

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 7 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh

2. Ông Lương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 375/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1994, địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh T, địa chỉ tạm trú: Đường TC4, tổ 22, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B. Có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Phương N, sinh năm 1990, địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh T, địa chỉ tạm trú: Đường XC11, tổ 10, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/3/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Bà C và ông N đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh T. Hôn nhân giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện tại không ai quan tâm chăm sóc nhau và đã ly thân từ đầu năm 2022. Do đó, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Do vậy, bà C yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/10/2014. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Phương N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho ông N. Tại Bản tự khai ngày 18/4/2022, ông N trình bày:

Ông N tạm trú tại nhà trọ N, khu phố 3, phường M, thị xã , tỉnh B. Về hôn nhân, ông N và bà C đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh T. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện tại không ai quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông N đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 20/10/2014. Sau khi ly hôn ông N đồng ý giao cháu B cho bà C nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông Bùi Phương N theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn cư trú và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Bùi Phương N không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C để bà sớm ổn định cuộc sống.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

+ Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con; ông Bùi Phương N có đăng ký tạm trú tại khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà C và ông N thống nhất trình bày bà C và ông N có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh T, việc kết hôn là tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa bà C và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà C trình bày mâu thuẫn giữa bà và ông N đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà C yêu cầu ly hôn với ông N.

Bị đơn ông N có bản tự khai trình bày đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà C nhưng ông N không tham gia tố tụng tại Tòa án và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/5/2022, đại diện ban điều hành khu phố 3 phường M cung cấp: Ông Bùi Phương N có tạm trú tại nhà trọ H, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B (hay còn gọi là nhà trọ N). Về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân nảy sinh tranh chấp giữa bà C và ông N thì không nắm rõ.

Xét thấy, bà C trình bày về mâu thuẫn gia đình, ông N có bản tự khai trình bày thời gian đầu ông và bà C chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện tại không ai quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông N đồng ý.

Như vậy, bà C và ông N đều thừa nhận có nảy sinh mâu thuẫn. Quá trình Tòa án triệu tập ông N tham gia hòa giải nhưng ông N vắng mặt không có lý do, thể hiện mâu thuẫn giữa bà C và ông N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho bà C được ly hôn với ông N để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, nguyên đơn bà C được ly hôn với bị đơn ông N.

[3] Về con chung:

Bà C và ông N có 01 con chung là Bùi Gia B, sinh ngày 20/10/2014. Hiện con chung đang sống cùng bà C và cháu B có ý kiến muốn ở với bà C.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của nguyên đơn là phù hợp, giao con chung là Bùi Gia B cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai, ông N trình bày không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, ông N không tranh chấp về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Chung phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 227, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị C đối với bị đơn ông Bùi Phương N về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị C được ly hôn với ông Bùi Phương N.

- Về con chung:

Giao con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 20/10/2014 cho bà Phan Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Bùi Phương N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, khi cần thiết bà C hoặc ông N có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Phan Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005467 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích